

(Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ)

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) THEO LĨNH VỰC NĂM 2021
(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (5)	
				Tuyệt đối	Tương đối
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
TỔNG CHI NSDP		19,804,773	23,876,227	4,071,454	121
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	4,054,773	4,912,138	857,365	121
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) THEO LĨNH VỰC	15,750,000	13,715,007	(2,034,993)	87
1	Chi đầu tư phát triển	6,958,755	5,581,419	(1,377,336)	80
2	Chi thường xuyên	7,692,256	7,964,602	272,346	104
2.1	Chi quốc phòng	205,472	361,318	155,846	176
2.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	80,127	196,966	116,839	246
2.3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2,713,657	2,704,465	(9,192)	100
2.4	Chi khoa học và công nghệ	24,284	15,714	(8,570)	65
2.5	Chi y tế, dân số và gia đình	672,201	774,761	102,560	115
2.6	Chi văn hóa thông tin, thể dục thể thao	145,203	122,192	(23,011)	84
2.7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	144,262	133,619	(10,643)	93
2.8	Chi các hoạt động kinh tế	2,220,459	1,611,082	(609,377)	73
2.9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1,169,701	1,597,759	428,058	137
2.10	Chi bảo đảm xã hội	279,196	361,413	82,217	129
2.10	Chi khác	37,694	85,313	47,619	226
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1,000	1,000	-	100
4	Chi dự phòng ngân sách	326,597	-	-	-
5	Chi thực hiện cải cách tiền lương	412,378	-	-	-
6	Chi trích lập Quỹ phát triển đất	37,500	-	-	-
7	Chi từ nguồn tăng thu cân đối dự toán điều chỉnh	155,602	-	-	-
8	Chi CTMT vốn SN	-	-	-	-
9	Chi thực hiện chính sách tinh giảm biên chế	39,912	-	-	-
10	Chi hoàn trả tạm ứng bù hụt thu NSTW	-	-	-	-
11	Chi đầu tư các Dự án CNTT	126,000	-	-	-
12	Chi nộp ngân sách cấp trên	-	150,204	150,204	-
13	Các khoản chi quản lý qua ngân sách	-	17,782	-	-
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-	5,249,082	5,249,082	-